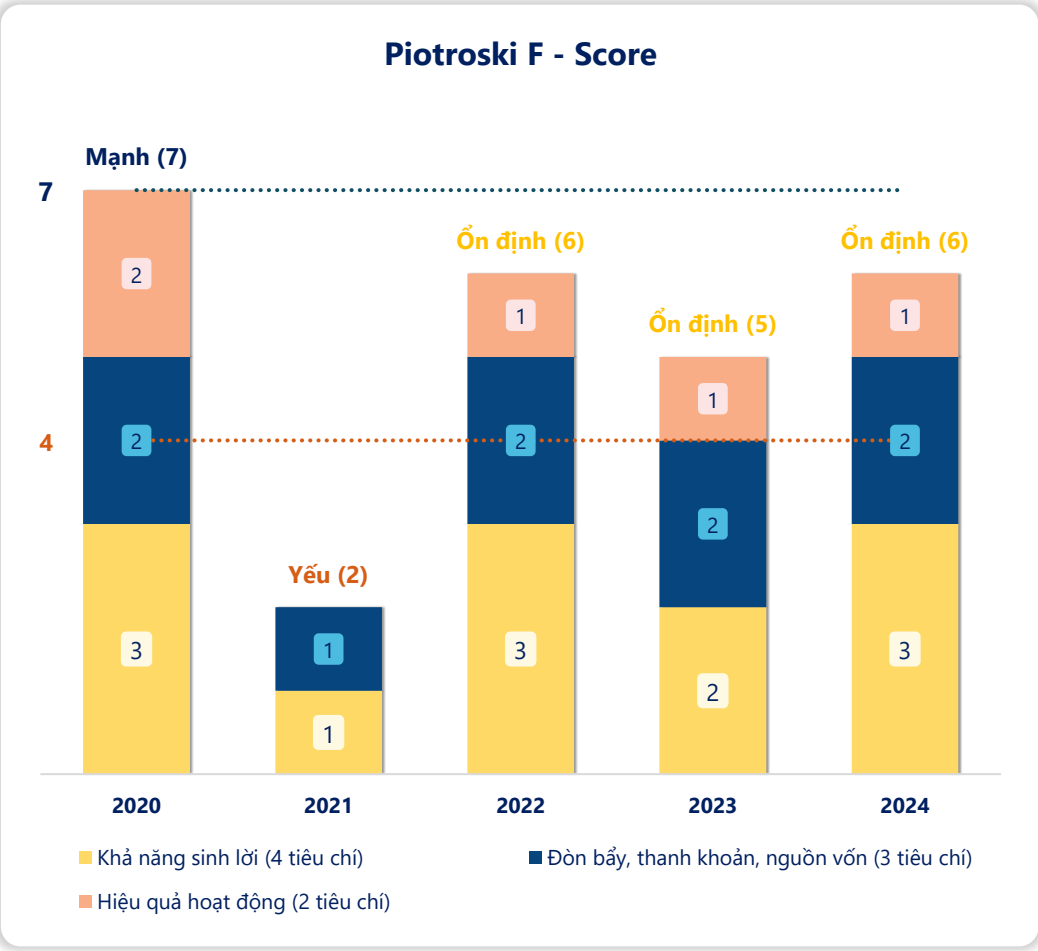
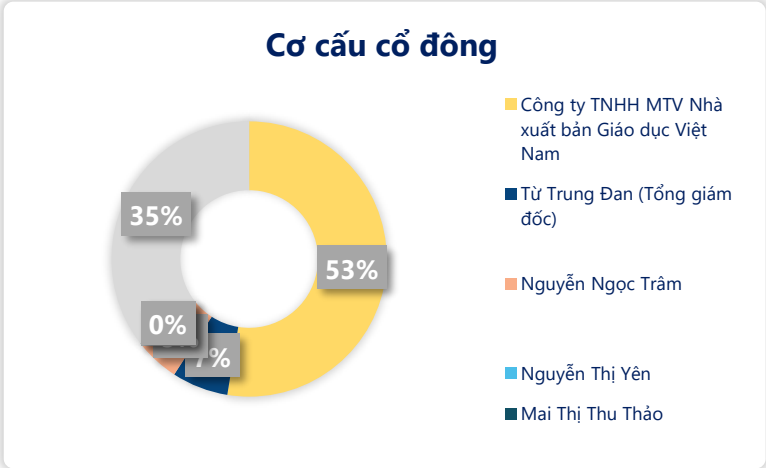
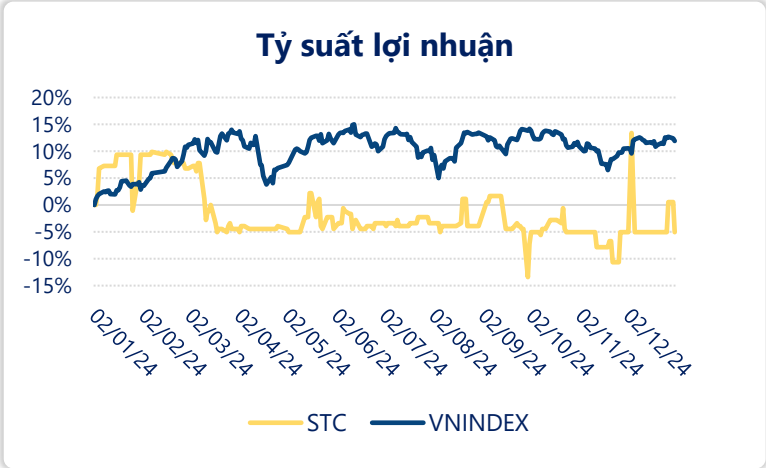


CTCP Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh (HNX: STC)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	17,000 VNĐ			Sức mạnh tài chính	2024	DT thuần	2024	LN sau thuế	2024
31/12/2024									
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng	Piotroski F - Score	6/9				
	-9.5%	8.0%	6.2%	2024	(Ổn định)		YoY ▼ 13.0 ▼ 2.6%	YoY ▼ 0.60 ▼ 4.0%	
						490	tỷ VNĐ	14.9	tỷ VNĐ

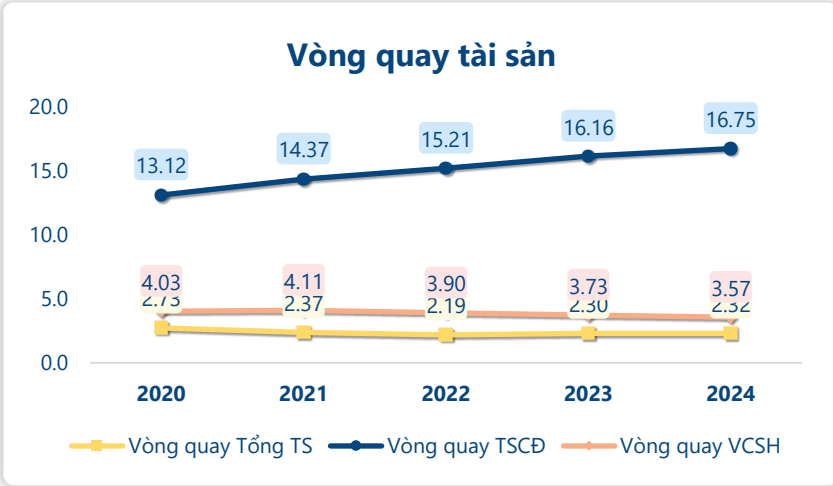
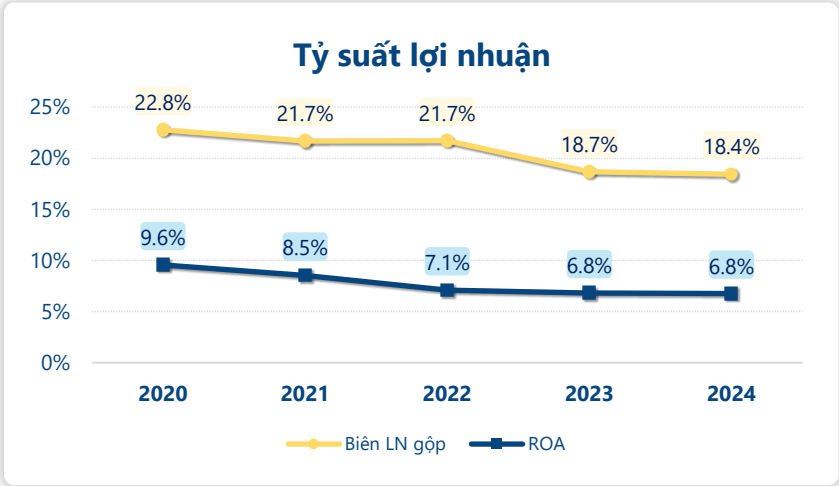
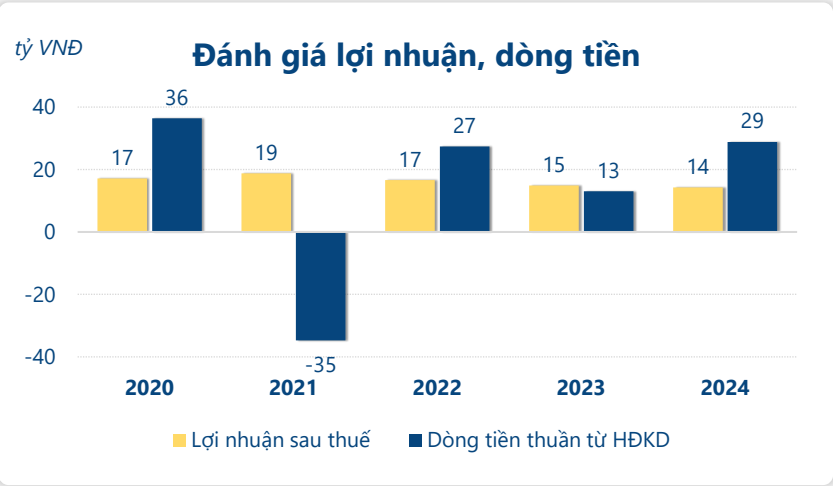


Năm 2024, F-Score của **STC** đạt **6/9** cao hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "**Ổn định**".

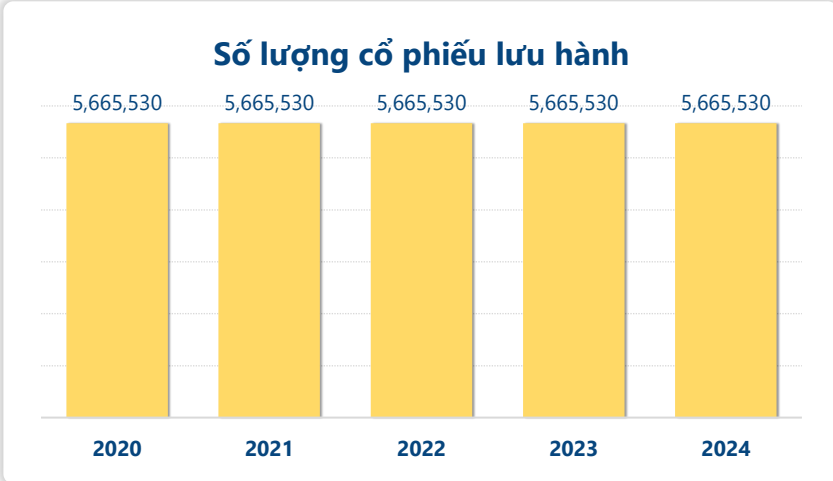
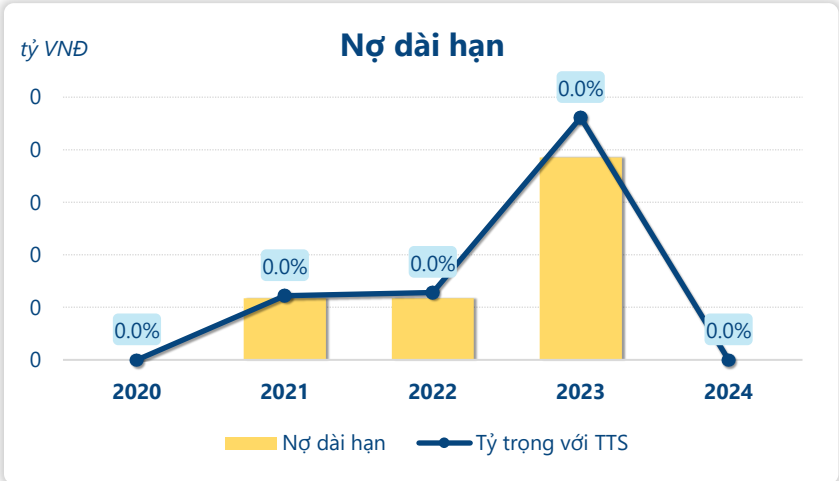
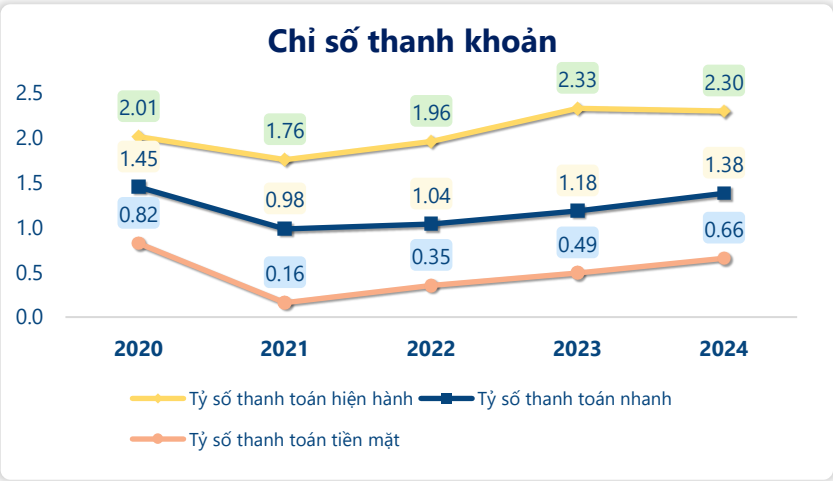
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **2/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh (HNX: STC)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **STC**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	215	209	2.8%
Tài sản ngắn hạn	175	168	3.7%
Tiền và tương đương tiền	49.9	35.6	40.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.0	8.11	59.8%
Phải thu ngắn hạn	38.9	39.2	-0.9%
Hàng tồn kho	69.6	82.8	-15.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.17	2.63	20.5%
Tài sản dài hạn	39.9	40.3	-0.8%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	28.4	30.2	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.80	0.44	306%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.49	0.49	0.0%
Tài sản dài hạn khác	9.27	9.13	1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	75.9	72.4	4.9%
Nợ ngắn hạn	75.9	72.3	5.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	30.8	24.6	25.4%
Nợ dài hạn	0	0.08	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	139	136	1.7%
Vốn chủ sở hữu	139	136	1.7%
Vốn điều lệ	56.7	56.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	488	520	514	503	490
Giá vốn hàng bán	377	407	402	409	400
Lợi nhuận gộp	111	113	111	93.9	90.4
Doanh thu HĐTC	1.16	0.65	0.74	1.35	1.54
Chi phí TC	0.02	0.42	0.66	0.32	0.52
Chi phí lãi vay	0.02	0.24	0.66	0.32	0.52
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	49.1	53.0	47.0	39.9	38.2
Chi phí QLDN	44.5	39.6	46.3	39.1	37.1
LN thuần từ HĐKD	18.5	20.4	18.2	15.9	16.1
Lợi nhuận khác	0.99	0.94	1.00	1.82	0.92
LN trước thuế	19.5	21.3	19.2	17.7	17.0
Lợi nhuận sau thuế	17.5	19.1	17.1	15.5	14.9
LNST của CĐ cty mẹ	17.1	18.7	16.7	14.9	14.3

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.4	-34.7	27.4	13.0	28.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.80	-0.99	-3.37	-2.65	-6.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.74	-7.74	-8.25	-8.28	-8.28
Tiền đầu kỳ	35.3	61.2	17.8	33.6	35.6
Lưu chuyển tiền thuần	25.9	-43.4	15.8	2.07	14.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	61.2	17.8	33.6	35.6	49.9